

FRIENDSHIP WITH AGEMATES AND OTHER MANDARINS IN LE QUY DON'S POEMS

Dinh Thi Huong

Posts and Telecommunications Institute of Technology (PTIT)

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 04/10/2024 Revised: 18/11/2024 Published: 18/11/2024	Le Quy Don had some poems about his friendship with other individuals of the same age and governmental positions. Through the literary criticism of his some typical poems and the comparison of the friendship conception in Chinese culture, the study presents the precious values of Le Quy Don's relationship with his agemates and other mandarins. They are friends who are useful to each other with the qualities of sincerity, loyalty, uprightness, trust, understanding, and profound knowledge. Their friendship is both simple and thoughtful, and their principles are standard, sustainable and interesting, their friendship is also strengthened by their responsibility to the country. The settings of these poems were the farewell moments where the friends drank together or read their poems as a goodbye saying, their friendships are admirable and followable. This study can be useful in teaching and learning about Le Quy Don's poems as well as has contribution to studies of ancient people's friendship in the government.
KEYWORDS Le Quy Don's poetry Friendship Agemate friendship Mandarin friendship Farewell poems	

TÌNH BẰNG HỮU VỚI ĐỒNG NIÊN VÀ ĐỒNG LIÊU TRONG THƠ LÊ QUÝ ĐÔN

Dinh Thị Hương

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 04/10/2024 Ngày hoàn thiện: 18/11/2024 Ngày đăng: 18/11/2024	Lê Quý Đôn có một số bài thơ thể hiện rõ mối quan hệ kết giao với bạn đồng niên và đồng liêu. Bằng phương pháp phân tích, điểm bình những bài thơ tiêu biểu, so sánh với những quan niệm kết giao bằng hữu trong lịch sử văn hoá cổ điển Trung Quốc, bài viết nhận định những giá trị sâu sắc trong mối giao tình bằng hữu của Lê Quý Đôn với bạn đồng niên và đồng liêu. Đó là những bằng hữu có ích với phẩm chất chân thành, trung chính, tín hiếu, đa văn. Tình bằng hữu của họ vừa thân thiết thanh đạm vừa chu đáo lễ nghĩa, bền vững mà thú vị, luôn gắn cùng trách nhiệm của người bề tôi với dân với nước. Tình bằng hữu ấy lấy không gian đưa tiễn làm bối cảnh, lấy thơ rượu làm vật phẩm trao gửi, lấy ý đẹp lời hay làm ước hẹn, lấy đất trời núi sông làm minh chứng, là tình bằng hữu rất đáng trân trọng và học tập. Bài viết này có thể được sử dụng trong việc nghiên cứu và giảng dạy về thơ Lê Quý Đôn, cũng có thể góp phần vào việc tìm hiểu cách thức giao kết bằng hữu của người xưa ở nơi quan trường.
TỪ KHÓA Thơ Lê Quý Đôn Tình bằng hữu Tình đồng niên Tình đồng liêu Thơ tiễn sứ	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11238>

Email: huongdt@ptit.edu.vn

1. Giới thiệu

Lê Quý Đôn (1726 – 1784) có tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, thường được ca ngợi là nhà thơ, nhà bác học, nhà ngoại giao xuất sắc của dân tộc. Ngoài sự phong phú về trước thuật, sự nghiệp sáng tác thơ ca của Lê Quý Đôn cũng khá dồi dào. Từ thơ tiễn mừng tặng đáp đến thơ đề vịnh (các cảnh đẹp trong nước và cảnh đẹp của những vùng sông nước Trung Hoa mà Lê Quý Đôn trong hành trình đi sứ đã trải qua) nay còn lưu lại khoảng 500 bài, một phần trong đó đã được các bậc túc nho giới thiệu, gần đây lại được kể thừa khảo cứu và dịch chú trong 2 tập của bộ sách *Quế Đường thi tập* do Trần Thị Băng Thanh chủ biên [1]. Trong số những bài thơ tiễn mừng tặng đáp, có những bài thơ thể hiện rõ tình kết giao bằng hữu của Lê Quý Đôn, có kết giao đồng niên và đồng liêu trong nước, có kết giao bằng hữu với cả quan lại Trung Hoa và kết giao với một số sứ thần nước khác trên hành trình đi sứ phương Bắc. Về sự kết giao với quan lại Trung Hoa, nhà nghiên cứu Trần Thị Băng Thanh trong lời giới thiệu bộ sách ở trên đã viết khá rõ sự kết giao của Lê Quý Đôn với Tra Kiệm Đường (người tiếp đón sứ) và đặc biệt là sự kết giao bằng hữu của ông với Hồ Trai (tên là Tần Triều Vu, là người tiễn sứ Việt về nước), khẳng định Lê Quý Đôn yêu mến tài năng cùng sự chân tình của Hồ Trai và tình bạn giữa họ là "trường hợp hiếm có trong những cuộc Hoàng hoa" (cuộc đi sứ) [1, tr. 36-63]. Về việc kết giao với một số sứ thần Hàn Quốc, nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Tường trong bài báo "*Cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Đại Việt Lê Quý Đôn và sứ thần Hàn Quốc Hồng Khải Hy, Triệu Vinh Tiến, Lý Huy Trung tại Bắc Kinh năm 1960*" đã nhận định rằng "Hơn ai hết, Lê Quý Đôn hiểu rõ tầm quan trọng của việc kết giao tình bạn, tình hữu nghị với các đoàn sứ bộ của các nước khác trong khu vực", "Nhà bác học nước Đại Việt đã bộc lộ tình cảm thâm thiết của mình đối với các bạn mới Hàn Quốc" và tình cảm thâm thiết ấy "được các sứ thần Hàn Quốc Hồng Khải Hy, Lý Huy Trung đáp lại thật chí tình" [2].

Với bạn ngoại quốc đã có tình cảm "hiếm có" như vậy, với bạn trong nước ắt hẳn sẽ có những tình cảm rất đáng để người sau ngưỡng mộ và học tập. Với trước tác để lại tới "gần 40 bộ sách mà nội dung đề cập đến hầu hết mọi lĩnh vực" và "phần lớn được viết bằng chữ Hán" thì dù "đã được nhiều học giả dịch thuật nghiên cứu" "vẫn còn nhiều tác phẩm chưa được khai thác hoặc nghiên cứu một cách toàn diện triệt để" [3]. Các bài thơ về sự kết bạn với đồng niên và đồng liêu (Lê Quý Đôn gọi là "niên hữu" và "liêu hữu") thực sự là những bài thơ rất đáng được nghiên cứu, không chỉ góp phần làm sáng tỏ con người nhân trí của Lê Quý Đôn mà còn thể hiện được những vẻ đẹp và sự sáng suốt đáng ca ngợi học tập của tiên nhân trong việc kết giao bằng hữu chốn quan trường.

Sự giao kết bằng hữu đã sớm được kinh điển Nho gia nói đến [4] và ít nhiều có ảnh hưởng tích cực tới quan niệm giao kết bằng hữu của các nhà thơ cổ điển Việt Nam, như Nguyễn Bỉnh Khiêm đã có bài thơ *Khuyến đãi bằng hữu* (Khuyến đối xử với bầu bạn) khuyên con người phải giữ chữ tín với bạn và không được buông phóng bản thân với rượu bạc và những thú tầm thường để tình bạn được thắm bền [5]. Về đề tài bằng hữu trong văn học, đó là đề tài quen thuộc của thơ cổ điển Trung Hoa. Những cảnh tượng tổng biệt, nỗi buồn xa nhau, niềm vui trùng ngộ, liễu xanh Chương Đài, cảnh mai tin nhận... đều trở thành những biểu hiện của tình bằng hữu. Nghiên cứu về tình bằng hữu trong thơ Đường, Hồ Thúy Ngọc nhận định "đó là một *thanh khí* tự nhiên gắn kết hai người xa lạ", "ít bị chi phối ràng buộc bởi những lễ giáo khắt khe vì chủ yếu xuất phát từ sự tương hợp của những tâm hồn *đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu*" [6]. Hán Thị Thu Hiền với bài báo "*Thế tài tổng biệt trong thơ Việt Nam thế kỷ XVIII – XIX*" tuy không nhắc đến trường hợp Lê Quý Đôn và các bằng hữu của ông nhưng đã nhận định "tình bằng hữu là một trong những nội dung cảm xúc tiêu biểu nổi bật" và cảm xúc này thể hiện ở "sự khẳng định, ca ngợi, trân trọng và tình cảm bịn rịn, lưu luyến, thấu hiểu, đồng cảm với bạn"; "sự ca ngợi tập trung vào ca ngợi tài năng, phẩm chất, công lao đóng góp của người đi" và "khi tiễn người đi sứ, các tác giả thường chú ý khẳng định tài năng hơn người của người lên đường" [7].

Tình bằng hữu trong thơ Lê Quý Đôn chủ yếu gắn liền với các đồng liêu và chức phận của người làm bề tôi (có người vừa là đồng niên vừa là đồng liêu) nên tự nhiên có những điểm khác với đề tài bằng hữu quen thuộc mà thơ cổ điển Trung Hoa hay nói tới. Xét trong thơ Việt Nam, Lê Quý Đôn là trường hợp hiếm gặp khi ông dùng từ "niên hữu" (bạn cùng tuổi) và "liêu hữu"

(bạn cùng làm quan). Sở dĩ ông có nhiều bằng hữu làm quan cũng một phần là vì "ông đã được họ Trịnh quan tâm ủng hộ, tin dùng" và "các bề trên này đã bố trí ông vào những chức vụ trọng yếu trong triều đình, tạo điều kiện cho ông đi nhiều, đọc nhiều, trải nghiệm nhiều, biết nhiều" [8]. Vì vậy, nghiên cứu tình bằng hữu của Lê Quý Đôn với các đồng liêu cũng sẽ cho thấy những giá trị ảnh hưởng tích cực của loại tình cảm này với một số phương diện lịch sử xã hội và gián tiếp cho thấy một phần tư tưởng từ "một nhà tư tưởng lớn của dân tộc Việt Nam thế kỷ XVIII" [9].

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, phương pháp phân tích, điểm bình, so sánh được dùng làm nổi bật những đặc điểm giá trị trong các bài thơ về sự giao kết bằng hữu với đồng niên và đồng liêu của Lê Quý Đôn.

Về dữ liệu nghiên cứu trong bài viết này, các bài thơ của Lê Quý Đôn và những người bạn (bao gồm cả bản dịch nghĩa và dịch thơ cùng các chú thích liên quan) đều được trích từ tập một trong *Quế Đường thi tập* mà nhóm Trần Thị Băng Thanh đã biên dịch.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Những bối cảnh thể hiện tình bằng hữu với đồng niên và đồng liêu trong thơ Lê Quý Đôn

3.1.1. Cảnh tiễn bằng hữu đi sứ

Lê Quý Đôn từng đi sứ và được những người bạn làm thơ tặng trong cuộc tiễn đưa, ông cũng có thơ họa lại những bài thơ tiễn ấy. Ông cũng là người tiễn một số người bạn đi sứ nên ông cũng có thơ tiễn bạn đi sứ. Do vậy, những bài thơ xướng họa đáp tặng trong những cuộc tiễn sứ đã thể hiện rõ tình bằng hữu của ông.

Khi Lê Quý Đôn đi sứ (năm Canh Thìn, 1760), tiệc tiễn đưa được diễn ra trên ngôi đình bên bờ nam dòng Nhị Hà, vào buổi sớm xuân, có cờ tiết, có mai liễu tốt tươi, hoa nở chim hót, thơ rượu tặng đáp, trẻ con đến xem, thuyền chờ dưới bến. Một số người bạn đồng liêu có thơ tiễn ông (đã được ông chép lại thơ trong nhóm bài *Phụ chú liêu hữu tiễn thi*) là Đông các Đại học sĩ Nguyễn Huy Đài, Giám sát Ngự sử Vũ Miên, Sơn Tây Hiến sát sứ Trương Đình Tuyên, Hàn lâm viện Hiệu thảo Phan Nhuệ, Hữu Công khoa Đô cấp sự trung Vũ Huy Đĩnh. Trong các bài thơ của những người bạn đó, cảnh tượng tiễn sứ được thể hiện khá chi tiết. Cảnh tượng tiễn sứ ấy có thấp thoáng như những cảnh tượng tổng biệth trong thi ca cổ điển Trung Hoa, lấy bờ sông bến nước và đình đài làm chỗ tiễn đưa, lấy mai liễu làm tín vật, hoa khói mùa xuân, rượu thơ tặng đáp, người đi bằng thuyền thì người tiễn đứng trên đài cao mà trông theo đến khi hút bóng, người đi bằng ngựa thì người tiễn dõi theo mấy dặm trường đình cho tới khi liễu che ngựa khuất, từ ấy mà đôi bên hoài niệm, mong ngóng trùng phùng. Đó cũng là cảnh tượng đầy thi vị, đầy lễ nghi, có sự trang trọng tề chỉnh, đông mà không loạn, yển âm mà tao nhã, có trời đất và người vật chứng giám, có gió giúp cờ tiết phấp phới, có sóng giúp thuyền lướt trôi, ắt hẳn phải là ngày lành giờ tốt, sẽ là cảnh tượng tương xứng với cảnh tượng tiếp sứ của phương Bắc, khiến người đi sứ có thêm tự tin và có chuyện đáng để kể và đáng để tự hào với người phương Bắc. Cảnh tượng ấy cũng thân quen gần gũi, khiến người đi sứ không thể quên, không thể không giữ tiết tháo khi sang đất khách, nhất định có ngày trở về an toàn, về vang sứ mệnh.

Khi những bằng hữu đồng niên và đồng liêu đi sứ, Lê Quý Đôn cũng làm thơ tiễn. Ông không miêu tả khung cảnh tiễn sứ mà chủ yếu dùng lời thơ ca ngợi, dặn dò và chúc mừng bằng hữu. Những người bạn đi sứ mà được ông làm thơ tiễn gồm Thám hoa Nguyễn Huy Oánh (làm Chánh sứ đoàn đi sứ sang nhà Thanh năm 1765), đồng niên Đoàn Nguyễn Thục (làm Chánh sứ sang nhà Thanh năm 1774), đồng niên Nguyễn Xuân Huyền (theo các nhà nghiên cứu suy luận thì Nguyễn Xuân Huyền đi sứ sau năm 1760), Hồ công Sĩ Đống (làm Phó sứ sang nhà Thanh năm 1777), Đỗ công Huy Cừ (đi sứ khoảng sau năm 1780), Nguyễn công Trọng Đường (nhà có ba thế hệ đi sứ, các nhà nghiên cứu chưa rõ năm đi sứ của Nguyễn Trọng Đường). Như vậy, Lê Quý Đôn là người đi sứ trước những người bạn trên (ông đi sứ khoảng năm 35 tuổi). Có lẽ khi ông làm thơ tiễn bạn đi sứ, ông không tập trung miêu tả khung cảnh tiễn sứ như những người bạn khác đã làm

mà tập trung vào việc ca ngợi, dặn dò và chúc mừng bạn là vì hai lí do. Một là Lê Quý Đôn đã đi sứ trước nên có kinh nghiệm để dặn dò người sau, điều này cũng gián tiếp thể hiện rằng ông tự mình thấy rất có trách nhiệm và tình cảm với chuyện đi sứ của người sau, cũng là trách nhiệm và tình cảm với quốc gia; hai là khung cảnh tiễn sứ hân không có gì thay đổi nhiều so với cảnh mà những người bạn khác đã làm nên ông không cần tả lại, dành thời gian và thơ từ cho mục đích ở trên.

3.1.2. Cảnh tiễn bằng hữu đi nhậm chức ở xa

Lê Quý Đôn có một số bài thơ tiễn bạn đi nhậm chức nơi xa, ví dụ như thơ tiễn Nguyễn Nghiễm đi làm Hiệp đốc suất đạo Nghệ An, thơ tiễn Nguyễn Đình Huân đi làm Thống lĩnh các đạo Tuyên Hưng Sơn (Tuyên Quang, Hưng Hoá, Sơn Tây), thơ tiễn Lê Cẩn và Nguyễn Trác đi Nghệ An. Khoảng cách không gian địa lý sau tổng biệt của ông đối với bằng hữu không phải là quá lớn như khoảng cách không gian sau tổng biệt bằng hữu của các nhà thơ đời Đường nhưng cũng đủ để thể hiện nhiều trạng thái cảm xúc giữa những người bạn tốt. Thơ ông làm khi tiễn Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Đình Huân thì giọng điệu vui tươi, cảm mừng vì bạn được bề trên tín nhiệm mà gán thêm việc lớn, giọng thơ khi độ dạt dào, hào sảng khích lệ, ca tụng tài năng phẩm chất của bạn, cũng là gián tiếp ca ngợi sự trọng tài của bề trên; cảnh thơ hùng tráng, tề chỉnh oai nghiêm, hoặc có hịch truyền đầu ngựa, hoặc có văn chiếu lệnh gắm thuyền, hoặc hạm thuyền tiên hộ tống, hoặc xe cờ pháp phối dẫn đưa, gió mây trợ giúp, rượu quý trao mời, định ngày tài ngộ, đón tiếp khai hoàn, thực là những cảnh tượng khiến cả người đi và người tiễn thêm vì thế mà cảm kích phấn chấn. Nhưng khi ông làm thơ tiễn Lê Cẩn và Nguyễn Trác, giọng thơ không khác với tình điệu bi thương của đa phần thơ tổng biệt đời Đường. Tiễn đi xa vài trăm dặm mà tưởng như "xa ba ngàn dặm", rồi "đền tàn trăng sớm, một mảnh tâm tình, buồn bã bồi hồi, không thể kìm nén, nên viết thành một thiên thơ ngũ ngôn cổ phong ba mươi vắn kê tình ly biệt" [1, tr.159-162]. Ấy là vì hoàn cảnh tổng biệt nhiều phần bi cảm, người đi không phấn chấn, hai bên cô đơn chích ảnh, những kỉ niệm từ những năm đầu tao ngộ, giấc công hầu gặp nhiều nổi trái ngang... Trong thơ tổng biệt đời Đường, khoảng cách sau tổng biệt của bằng hữu thường là quá xa xôi. Đất nước Trung Hoa rộng lớn, bằng hữu muốn gặp nhau chỉ có thể đi bộ, hoặc bằng ngựa, bằng xe kéo, bằng thuyền, cách nào cũng không thể nhanh, đường thủy hay đường rừng cũng nhiều nguy hiểm, thế thì bằng hữu tốt cũng khó gặp nhau, tin thư đi lại cũng không hề thuận tiện. Cho nên, tiễn nhau trước khi đi, chẳng phải chỉ để trao tình ngỏ ý hay dặn dò hẹn ước mà còn có thể như một sự chuẩn bị hay dự cảm cho những ngày mãi mãi về sau dường như không còn cơ hội trùng phùng tái ngộ, sự sinh ly có khi cũng là tử biệt từ đây. Thơ tổng biệt đời Đường cũng một phần vì thế mà khiến cho nhiều đời sau mỗi khi đọc đều động lòng trắc ẩn, xúc cảm bồi ngùi. Dem cái tình điệu bi thương cùng những điển tích của thơ tổng biệt xưa để làm thơ gửi bạn đi xa (dù chỉ vài trăm dặm và vẫn còn nhiều hứa hẹn vào sự gặp mặt sau một năm, vào mùa xuân năm sau), Lê Quý Đôn dường như đã cho người đời sau thấy rằng có những mối giao tình bằng hữu mà đôi bên không dễ rời nhau, chỉ cần cách xa không lâu là có thể khiến người động mối thương tâm, nhất là khi người ấy lại là người đã từng đọc đến hàng nghìn trang thơ tổng biệt của người xưa.

3.1.3. Cảnh tượng xướng hoạ tặng đáp bằng hữu khi cùng đảm nhiệm việc trường thi

Tăng Tử từng nói "Người quân tử nhờ văn chương học văn mà hiệp hội bằng hữu và nhờ bằng hữu giúp sức mà tiến lên đức nhân" (*Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân* – Tứ thư, Luận ngữ, chương Nhan Uyên) [4, tr.194-195].

Lập thi xã, tham gia xướng hoạ tặng đáp là việc thường làm của các thi nhân đời xưa, vừa để kết giao bằng hữu, vừa chia sẻ văn chương và tâm tình chí hướng. Những khi trời đất thuận hoà, trăng trong gió mát, lễ tiết bốn mùa, bằng hữu thi nhân tụ họp, có thể thêm yến ẩm thanh đàm. Cách kết giao này thường không giống với sự kết giao bằng hữu huynh đệ của các hảo hán giang hồ (có thể lập đàn tế trời đất cần thận, cũng có thể lấy quán rượu làm nơi tế trời đất và kết giao bằng hữu, lấy rượu làm hương vị, có thể ăn miếng thịt to và uống chén rượu lớn) như sự kết giao hảo hán mà Thi Nại Am đã miêu tả trong Thuỷ Hử. Đối với thi nhân, việc lập thi xã còn giúp họ

có ngay người bình phẩm chỉnh sửa thơ mình, thơ cũng được nhờ bạn truyền bá rộng, có thể bạn lưu lại thơ mình cho người sau. Đó là cách giao tiếp bằng hữu rất tao nhã, cũng là cách để thi nhân tu tâm dưỡng tính. Chính Lê Quý Đôn trong bài thơ *Tứ đáp Thư Trai* (Lần thứ tư đáp lại Thư Trai) đã viết "Đương vì vị chí văn hành sự" (Việc đáng làm không thôi là thâm định văn chương – Bằng Thanh dịch), ông không chỉ kết xã với bằng hữu cùng độ tuổi mà còn kết xã với các "đại lão" để xướng họa và tâm tình học tập như đã viết trong bài *Hạ Cơ Quận công tri sĩ thứ vận* (Ngày này, Bắc Giang có nhiều bậc đại lão/ Chính là lúc nên kết xã để những người cao tuổi cùng trò chuyện tâm tình – Bằng Thanh dịch).

Lê Quý Đôn có những bài thơ tặng đáp với một số bằng hữu khi cùng đảm nhiệm việc ở trường thi Hương tại Hải Dương (ông làm Đề điệu trường thi, tức là Chánh chủ khảo, điều hành mọi việc trong trường thi), ví dụ như thơ xướng họa với Thư Trai (Nguyễn Xuân Huyền, là bạn từ nhiều năm trước với Lê Quý Đôn, lúc đó đang làm Tham chính Hải Dương), Vu Trai (Dương Quyết, làm Hiến sát sứ Hải Dương), Lỗ Trai (Phan Lê Phiên, người được cử đi làm nhiệm vụ trường thi cùng Lê Quý Đôn), Giám khảo Đào Duy Doãn (từng quen biết trước đó ở nhà nhạc phụ Lê Quý Đôn). Trong hoàn cảnh này, mối giao tình bằng hữu gắn liền với trọng trách, vừa phải đảm bảo hoàn thành tốt việc tìm kiếm nhân tài trong cuộc thi nghiêm túc công bằng, vừa phải có sự phối hợp thống nhất giữa các chức phận, đòi hỏi những bằng hữu phải giao thiệp chừng mực, lễ nghĩa, danh chính ngôn thuận, không vì sự thân thiết riêng tư mà làm giảm sự trang nghiêm và xem nhẹ nhiệm vụ cầm cân nảy mực nơi trường thi, cũng không vì chức phận khác nhau nơi trường thi mà làm tổn thương tình bạn cũ. Lê Quý Đôn đã so sánh việc ông cùng các bạn được gặp nhau nơi trường thi giống như là "đào lý" được hội tụ và không ngại "nhiều lần vụng bút xướng thù" cùng nhau [1, tr.428-429]. Nguyễn Xuân Huyền cũng vui mừng mà họa rằng "Vì được gặp bạn đồng niên, tình thân làm ấm chiếc áo mùa thu/ Mừng là được một tháng gần gũi mật thiết.../ Nếu có thể thu gom được hết tinh hoa đào lý/ Thì xin gắng gỏi trong công việc cũng như xướng thù" [1, tr.432]. Dương Quyết cũng họa rằng "Lúc rảnh việc công, vui vẻ chuyện trò/ Trên toà, kính mộ phong cách thanh cao của vị điều khiển cuộc bàn luận" [1, tr.433-434]. Đào Duy Doãn thi họa "May sao được cùng các bác trong công việc nơi trường thi/ Sự vụng về của tôi sẽ được gửi vào ngòi bút lông thỏ" [1, tr.435]. Phan Lê Phiên cũng họa rằng công việc tổ chức thi được làm cẩn thận nghiêm túc, đối với bài làm của sĩ tử thì "mọi sai sót được xem xét rõ ràng", "văn chương đã cân nhắc kỹ nặng nhẹ" [1, tr.430-431].

3.2. Những biểu hiện của tình bằng hữu với đồng niên và đồng liêu trong thơ Lê Quý Đôn

3.2.1. Những người bạn hữu ích, tình bằng hữu gắn liền trách nhiệm của bề tôi với dân với nước

Trong chương *Quý thị* của Luận ngữ có lưu lời Khổng Tử nói đến ba kiểu bằng hữu ích lợi là "hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn - bạn ngay thẳng, bạn tín lượng, bạn nghe nhiều học rộng" và ba kiểu bằng hữu tổn hại là "hữu biện tịch, hữu thiện nhu, hữu biện nịnh - bạn hay làm bộ làm tịch, bạn hay chiều chuộng, bạn hay xảo mị"; cũng có ba việc ưa thích được lợi ích là "nhạo tiết lễ nhạc, nhạo đạo nhân chi thiện, nhạo đa hiền hữu - ưa theo lễ phép âm nhạc, ưa nhắc nhở điều thiện của người, ưa gần gũi với nhiều bạn hiền" và ba việc ưa thích gây tổn hại là "nhạo kiêu lạc, nhạo dật du, nhạo yến lạc - ưa kiêu sa dục lạc, ưa chơi bời phóng túng, ưa yến tiệc vui say" [4, tr. 260-263].

Từ quan niệm trên của Khổng Tử về bằng hữu hữu ích, có thể thấy thơ Lê Quý Đôn thể hiện rằng những người mà ông kết giao bằng hữu đều thuộc kiểu bạn hữu ích, có ích cho nhau và cho dân cho nước. Họ cũng ưa thích ba việc hữu ích là ưa lễ nhạc, ưa điều thiện, ưa gần gũi với các bạn hiền.

Những biểu hiện của sự ngay thẳng, tín lượng, nghe nhiều học rộng thì rất phong phú. Bạn ngay thẳng thì có thể thẳng thắn khuyến khích nhau, thành thực với nhau, khuyên răn nhau, có thể can gián vua chúa, không tùy tiện quý gối khom lưng, làm việc công không vụ lợi, không vì lời thẳng của người khác mà thù ghét, đi đứng đường hoàng, nghiêm trang lễ tiết, trung chính công tâm...

Lê Quý Đôn khi tiễn Nguyễn Huy Oánh đi sứ phương Bắc đã viết "Bạn bè là khuyến khích nhau gắng gỏi" và ông đã thẳng thắn khuyến khích bạn "hãy đem tài văn chương để tăng cường

thể nước" [1, tr.138-139]. Ông khuyến khích bạn nghĩa là đã nhìn thấy ở bạn những điều tốt đẹp, những khả năng tiềm tàng, những cơ hội phát triển của bạn, là nhìn ra ở bạn những điều người khác khó thấy, là hiểu tâm chí của bạn, thấy bạn không phải là hạng "xe chõu đầu đông" (tức là không phải hạng tầm thường trong vô số người mà là hạng xuất chúng); khuyến khích bạn cũng nghĩa là tự mình khiêm nhường trước bạn, mình khiêm nhường sẽ khiến bạn thêm phần phát, vì thế cùng với việc thẳng thắn khen ngợi bạn thì ông cũng tự nhận mình là "kẻ văn chương bút mực tầm thường". Khi tiền Lê Cẩn và Nguyễn Trác đi Nghệ An, ông cũng mong muốn và khuyên bạn tiếp tục noi theo đạo trung chính cứng bền của Kinh Thi và Kinh Dịch để không thẹn với bản thân, có thể kết bạn với đàn và thơ trong lúc chờ ngày tái ngộ. Khi tiền Đỗ Huy Cừ đi sứ, ông không ngần ngại chỉ bảo cho bạn những nơi non nước phương Bắc mà bạn nên đi qua để mở rộng tầm mắt (vì ông đi sứ trước bạn hai mươi hai năm nên có nhiều kinh nghiệm trong hành trình trên đất Bắc) [1, tr.150-151]. Khi tiền Nguyễn Trọng Đường đi sứ, ông cũng khuyên bạn hãy "đề nhiều thơ" khi "du ngoạn thượng quốc" và hãy "hỏi về lễ" khi tìm hiểu "đạo học ở Trung Châu", hãy "dừng thuyền" bên bờ sông Giang sông Hoài để thưởng cái cảnh "hoa liễu tốt tươi", hãy "buông cương ngựa" để ngắm cảnh sông Hoàng Hà trước cơn nổi "gió mây" [1, tr.151-152]. Khi tiền Hồ Sĩ Đống đi sứ, ông khuyên bạn không quên "thực hiện nghi thức cũ" khi "đem lễ vật sang triều đình xa" và chúc phận tùy tùng (bồi thân – sứ thần) cũng là chúc phận trụ cột quan trọng của bề tôi phụ tá (phụ thần) [1, tr.148-149]. Như vậy, Lê Quý Đôn là người có tầm lượng rộng lớn, hào sảng nên ông muốn bạn cũng được hiểu biết và trải nghiệm những điều giá trị như ông đã hiểu biết và trải nghiệm, vừa để tinh thần trí tuệ của bạn thêm phong phú, vừa giúp bạn có thể nhờ vậy mà làm vẻ vang quốc thể. Những lời khuyên của ông thực đáng giá ngàn vàng, không phải bằng hữu tốt thì khó phát ngôn ra được, không phải người từng nghe nhiều học rộng cũng khó mà khuyên bạn được.

Khi Lê Quý Đôn cùng các bạn làm việc ở trường thi, lòng ngay thẳng giúp họ làm việc công nghiêm túc, từ đó mà không lầm lẫn trong chọn người tài (việc làm thi là rất quan trọng, nhất định phải do những người chính trực và đa văn làm thi mới tốt). Không những việc công làm tốt, tình bằng hữu giữa họ cũng thêm củng cố, thêm trân trọng lẫn nhau. Khi cùng xướng họa, bình điểm thơ văn, lòng ngay thẳng và sự nghe nhiều hiểu rộng khiến họ khen ngợi nhau mà rất thực tình, văn từ hoa mỹ mà ý tứ xúc động. Khi làm thơ tiễn tặng nhau, tâm tính ngay thẳng khiến họ luyện lưu mà tinh thần phấn chấn, phong thái tao nhã mà quyết đoán cương nghị. Khi họ ở xa nhau, lòng ngay thẳng khiến họ viết thơ gửi đáp cho nhau lời thành thực, mong ngóng ngày gặp lại nhau.

Đối với bằng hữu, phải có tín lượng. Khổng Tử cho rằng trong thiên hạ có năm mối quan hệ (ngũ luân), đó là "*quân thân dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã* – vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè" (Tứ thư, Trung dung) [4, tr. 70-71] và mối quan hệ bằng hữu cần có niềm tin, gọi là "*bằng hữu tín chi*" (Tứ thư, Luận ngữ, chương Công Dã Tráng) [4, tr. 80-81]. Học trò của Khổng Tử là Tăng Tử cũng nói rằng, mỗi ngày bản thân đều xét mình với ba điều, một trong ba điều đó là "*Dữ bằng hữu giao, nhi bất tín hử?* – Kết giao với bằng hữu, ta có giữ tín thật hay chẳng?" (Tứ thư, Luận ngữ, Học nhi) [4, tr. 4-5]. Mạnh Tử cũng cho rằng "bằng hữu hữu tín", nghĩa là giữa bạn bè phải có niềm tin (Tứ thư, Mạnh Tử, Đằng Văn Công chương cú thượng) [4, tr. 168-169], ông còn cho rằng được bằng hữu tin cậy mới được lòng tín nhiệm của bề trên (được tín nhiệm của bề trên mới có thể trị dân); muốn được bằng hữu tin cậy thì phải phụng dưỡng cha mẹ, làm cha mẹ vui lòng; muốn làm cha mẹ vui lòng thì phải thành thực; muốn được là người thành thực thì phải biết rõ việc thiện. Lòng thành thực của bậc chí thánh có thể khiến trời đất cảm động, người người tín phục. Lòng thành thực tự nhiên của con người vừa là Đạo trời, tức là được trời ban, vừa là do tự mình luyện tập mà nên, đó là Đạo người "*Thị cố thành giả, thiên chi Đạo dã; Tư thành giả, nhân chi Đạo dã*" (Tứ thư, Mạnh Tử, chương Lương Huệ Vương) [4, tr.22-23]. Như vậy, đức tín là điều rất quan trọng trong tình bằng hữu và để có đức tín thì phải có lòng thành thực (lòng thành thực không tách rời với lòng ngay thẳng), phải biết ưa làm điều thiện, ca ngợi và khuyên bằng hữu làm thiện. Biểu hiện của điều thiện trong tình bằng

hữu cũng rất phong phú. Lê Quý Đôn cùng bằng hữu có tin tưởng nhau mới xuất hiện cùng nhau trong những buổi tiền đưa và gặp gỡ quan trọng, làm thơ ca ngợi và khuyên răn nhau, cùng nhau không làm mất niềm tin và sự uỷ thác của bề trên, có thể chia sẻ chí hướng với nhau, hẹn gặp và đón mừng nhau sau khi hoàn thành việc đi sứ (hầu như các bài thơ tiền sứ của Lê Quý Đôn cùng bằng hữu đều có những lời hẹn gặp nhau khi hoàn thành nhiệm vụ, điều này chứng tỏ họ luôn giữ chữ tín với nhau, trước có tín thì sau mới lại hẹn gặp)...

Sự ngay thẳng, thành thực, tín lượng lại thêm sự đa văn thì tình bằng hữu càng thêm hữu ích. Lê Quý Đôn sớm học rộng nghe nhiều (những điều kinh điển), các bạn của ông cũng đều là hàng hay chữ, việc tụ họp xướng họa và việc đi sứ cũng giúp họ thêm nhiều hiểu biết. Sự đa văn giúp họ có thể dùng rất nhiều điển tích điển cố để diễn tả điều muốn nói, xướng họa tặng đáp kịp thời, ứng đối tán thưởng khéo léo, vừa như gắm thêu hoa vừa giản dị chân thành, gặp nhau nhiều mà không nhàm chán, xa cách mà không lạt tình. Sự đa văn giúp họ hoàn thành tốt việc trường thi, làm vẻ vang việc đi sứ, tinh thần phong phú, biết cách thưởng thức muôn vẻ phong lưu của gió mát trăng thanh trên núi sông lầu gác...

Sự ngay thẳng, thành thực, tín lượng, đa văn giúp bằng hữu hiểu nhau. Đạo bạn bè, hiểu nhau là điều cần thiết, mỗi người đều nên cố gắng hiểu bạn. Khổng Tử nói "*Bất hoạn nhân chi bất kỳ tri, hoạn bất tri nhân dã* – Chớ lo người chẳng biết mình, hãy lo mình chẳng biết người đó thôi" (Tứ thư, Luận ngữ, chương Học nhi) [4, tr. 12-13]. Hiểu nhau mới có thể khuyên được nhau, giúp nhau, tụ họp xướng họa lâu được với nhau, có thể cùng làm việc lớn. Hiểu đến mức rất sâu sắc thì có thể thành tri âm tri kỷ, như Tử Kỳ nghe nhạc Bá Nha mà thấu hiểu nỗi lòng chí hướng Bá Nha và cảnh tượng cao sơn lưu thủy trong khúc đàn Bá Nha gảy vậy. Tuy với bằng hữu đồng niên và đồng liêu, Lê Quý Đôn chưa dùng đến cụm từ "tri âm tri kỷ" nhưng những bài thơ của họ cho thấy họ rất hiểu nhau.

Lê Quý Đôn khi viết về bạn đồng niên Nguyễn Xuân Huy đã thể hiện rằng ông hiểu khá nhiều về bạn, từ những công việc rất có ý nghĩa mà bạn làm là "vất vả lo toan vỗ yên dân" và "vụng về trưng thu thuế khoá" đến phẩm chất ngay thẳng của bạn là "giữ gìn chính trực thanh khiết như người dệt tấm lụa trắng", đến "tiết tháo cứng cỏi như cây tùng cây trúc, thích hợp với khí hậu cuối năm" và thú vui tao nhã cùng "hoa liễu tốt tươi" mùa xuân, cùng "tình sen" mùa hạ, cùng "ý cúc" mùa thu, cùng "tiếng đàn giọng hạc" của bạn; đặc biệt là qua thú vui của bạn mà hiểu sự thay đổi về tinh thần theo thời gian tuổi tác của bạn, thấy được cái "vui" cùng liêu, "nhàn" và "sáng khoái" cùng đàn cùng hạc, "già" cùng sen cúc của bạn, từ đó mà biết được cuộc đời bạn "thái bình hoà an, không việc gì không tốt" [1, tr.128-129]. Hiểu được cả bốn mùa của bạn như thể nghĩa là phải thường xuyên lưu tâm tới bạn, thấy được những đổi thay trong thời gian dài của bạn từ lúc tráng niên đến khi già muốn về hưu còn là nhờ ở sự lấy tâm tính chí hướng mình để hiểu tâm tính chí hướng bạn, lấy sự đa văn để hiểu và kín đáo khéo léo ca ngợi bạn (hiểu biết về văn chương điển tích Trung Hoa, về những cảnh tượng âm nhạc, về tình khí hòa hợp với tự nhiên bốn mùa...). Bằng hữu hiểu nhau như vậy, cũng chính do sự cẩn trọng trong việc kết giao, như Khổng Tử đã nói "*Vô hữu bất như kỷ giả* - Chẳng nên làm bạn với những kẻ chẳng như mình" (Tứ thư, Luận ngữ, Học nhi) [4, tr. 7].

Khi làm thơ mừng ông Nguyễn Công Vệ ở bộ Công nghị quan, Lê Quý Đôn cũng khéo léo khen ngợi bạn ở nhiều phương diện, từ "ba vẻ tinh hoa anh tuấn, ánh lên trang phục sang trọng đẹp đẽ" và gia tộc "trâm anh ngọc bội" đến lối sống "khiêm nhường hòa nhã" và "lãnh đạm thờ ơ" với công danh, từ những thú vui đàn thơ tao nhã cùng các bậc kỳ lão đến thú vui nơi sông nước núi non cùng ngư phủ tiều phu; ông còn nhìn ra và ca ngợi bạn là người có đủ cả nhân và trí, bạn cũng giống người xưa "người trí thích nước, người nhân thích núi"; sâu sắc hơn là ông còn thấy bạn có được dung mạo và phẩm chất như thế không chỉ do tự thân bạn tu dưỡng để thành mà còn là do các thế hệ trước trong gia tộc của bạn đã tích lũy được những điều phúc đức tốt đẹp như "nước đã đầy hồ" [1, tr.127-128]. Khen ngợi bạn như thế cũng là khen ngợi bạn biết giữ gìn và phát huy phúc đức gia tộc, khen ngợi những người bạn có lối sống thanh cao, nhân từ, nhân trí song toàn.

Đối với mỗi người bạn, Lê Quý Đôn lại thấy được nét tinh hoa riêng có của người bạn đó. Ông "một niềm yêu quý tài năng, từ xưa vẫn tha thiết" (*Liên tài nhất niệm do lai thiết*) như chính ông đã từng nói với người bạn là Vu Trai [1, tr.438], điều đó cũng góp phần khiến ông kết giao bằng hữu rộng. Lại thêm chức phận bề tôi, ông cũng thường xuyên giao kết với những bề tôi tài giỏi khác, có những người vừa là đồng niên vừa là đồng liêu, cho nên tình bằng hữu càng thêm sâu sắc, hữu ích.

3.2.2. Tình bằng hữu nhã đậm, vững bền

Nếu hạo hán giang hồ kết giao chủ yếu với danh xưng là huynh đệ thì văn nhân kết giao chủ yếu gọi nhau là bằng hữu. Hạo hán giang hồ kết giao thường đốt hương khấn trời lạy đất, ăn miếng thịt to, uống chén rượu lớn, cùng nhau nhỏ huyết vào rượu mà uống thề, uống xong có thể đập bát, khí thế hùng hực. Văn nhân thường kết giao trong cảnh tượng đất trời hòa hợp, trăng sáng gió mát, nơi lầu cao gác vắng hoặc nơi bên nước bờ sông, bông môn am thảo, đình đài dinh viện, có đàn rượu cầm kỳ, xướng họa tặng đáp, nâng chén phải tao nhã, rượu ngon chén đẹp, trọng nhau như khách... Nói chung, văn nhân kết giao bằng hữu lấy sự đậm nhã lễ tiết làm bối cảnh. Tục ngữ có câu "Quân tử chi giao đạm như thủy, tiểu nhân chi giao cam như nhục lữ; Quân tử đạm dĩ thân, tiểu nhân cam dĩ tuyệt". Điều này ý nói quân tử kết giao lấy sự thanh đạm như nước làm đầu, đạm mà thân thiết bền vững; tiểu nhân kết giao lấy sự ngọt ngào nịnh bợ của cải làm đầu, ngọt mà dễ tuyệt tình. Văn nhân kết giao lấy nghĩa quân tử mà kết giao, thanh đạm mà chu đáo, giữ lễ tiết mà không quá nguyên tắc (vì nguyên tắc quá thì không thân thiết), dù gặp nhau hoài cũng không suồng sã (vì suồng sã quá thì không trọng nhau), nhờ vậy mà tình bằng hữu bền vững.

Lê Quý Đôn cùng những bằng hữu của ông tuy làm quan nhưng kết giao với nhau rất nhã đậm, chủ yếu lấy việc xướng họa thơ ca và công việc làm phương tiện, kể cả những bài thơ làm trong cảnh tiễn nhau đi sứ cũng không nói đến chuyện yếm ảm xa hoa. Sự đậm nhã này có lẽ cũng có phần từ sự thanh liêm giản dị trong cuộc sống hàng ngày của họ. Bản thân Lê Quý Đôn khi mừng cha về nghỉ quan (cũng là lúc ông vừa làm nhiệm vụ phó sứ về) đã rất mong muốn được "đạm bạc thành kính tổ tiên, gần gũi theo hầu cha mẹ" cùng "bữa cỗ rau dưa đơn sơ" và đó là "điều đau đầu trong lòng" mà ông muốn thực hiện [1, tr.134-135]. Khi kết giao với nhau nhã đậm thì khi xa nhau có nhớ nhau mà muốn giải sầu cũng không sa vào những thú hưởng lạc dung tục. Có thể thưởng thức đàn thơ cùng nhau thì cũng có thể một mình tự thưởng. Đàn thơ là những thứ có thể thay lời bằng hữu khi gặp mặt, cũng có thể là những thứ khiến người ta tự vui khi vắng bạn, đem lại sự phong lưu tinh thần thay cho sự phong lưu vật chất, là những thứ nhã đậm đề tu dưỡng thân tâm, cho nên Lê Quý Đôn mới khuyên bạn "kết thân" với đàn thơ khi xa nhau vậy.

Sự nhã đậm thường gắn với trạng thái tĩnh, đặc biệt là tĩnh tâm. Tĩnh mới ôn hòa, giao kết với bạn nếu tĩnh tâm sẽ luôn giữ được hòa khí. Làm quan trong triều, kết giao với đồng liêu, tĩnh tâm sẽ không bất hòa, không gây thù oán, cùng nhau lo việc lớn, lấy đại cục làm trọng; xướng họa với bằng hữu, cùng một lúc phải giữ được sự ôn hòa với mọi người, tĩnh tâm khiến lời hòa nhã, dù có trách nhau cũng không buông lời sổ sàng nóng vội, dù có khen nhau cũng không trở thành xiêm nịnh a dua, luận người xét vật sáng suốt, bình phẩm thơ văn hợp ý hợp tình, dễ khuyên được người và đón nhận lời người khuyên; khi đi sứ nước người, tĩnh tâm có thể biến nguy thành an, không bị lung lạc tinh thần. Cho nên, Lê Quý Đôn rất mong mình và các bạn luôn tĩnh tâm chính trực, đặc biệt là trong lúc đi sứ. Khi ông đi sứ năm 1760, có nhiều bạn đồng liêu đưa tiễn, ông có làm bài thơ tặng các bạn, trong đó có câu "*Tĩnh cung chính trực giao tương miễn* – Khuyên nhủ nhau hãy cùng tĩnh tâm và chính trực" [1, tr.165-166]. Như vậy có thể thấy sự tĩnh tâm là điều rất được Lê Quý Đôn coi trọng và sự nhã đậm là điều cần thiết trong giao kết bằng hữu, đặc biệt là bằng hữu chốn quan trường. Xét từ thơ của ông cũng cho thấy ông là người trầm tĩnh, nhã đậm. Ông cùng lúc giao kết với nhiều đồng liêu như vậy, cùng lúc xướng họa với nhiều bằng hữu như thế, lại thường đưa tiễn người đi sứ, bản thân ông cũng đi sứ hai lần, chứng tỏ ông là người luôn có được sự nhã đậm và trầm tĩnh bên cạnh sự ngay thẳng, cũng chứng tỏ ông đã trải qua sự tu dưỡng cao và lâu dài về mặt phẩm chất.

Sự nhả đậm cũng khiến con người gần gũi với tự nhiên, thích cảnh sơn thanh thủy tú (Lê Quý Đôn thường lấy tự nhiên mà ca ngợi bạn, khéo khen những bằng hữu của mình khi họ quyền luyện với tự nhiên, bản thân ông cũng thường thức rất nhiều cảnh tự nhiên nhả đậm và để lại khá nhiều thơ vịnh những cảnh trí như vậy). Bằng hữu nhả đậm có thể cùng nhau ngao du những nơi vắng lặng hay non nước hữu tình, vui với ngư tiêu bên bãi, gió sớm trăng chiều, nếu chẳng được thưởng thức cùng nhau thì cũng người xem trước giới thiệu cho người sau tìm tới vậy (một phần vì lí do đó nên Lê Quý Đôn cũng giới thiệu nhiều cảnh đẹp vùng sông nước Giang Nam rộng lớn nổi tiếng hữu tình nhả đậm của Trung Hoa cho những bằng hữu đi sứ sau ông).

Với nhiều phẩm chất kết giao đáng trân trọng như vậy, tình cảm của Lê Quý Đôn và bằng hữu của ông rất bền vững. Nhiều bài thơ của ông cho thấy ông và bằng hữu kết giao với nhau nhiều năm, thân thiết dù ở xa hay ở gần nhau. Với Lê Cẩn và Nguyễn Trác, ông kết giao với họ từ khi ông "mới lên Kinh kỳ", cùng họ "đàm đạo kinh sách" cho tới khi "tuổi hoa niên chóng qua", đến lúc tiễn họ đi vào đất Nghệ An cũng là lúc mà Lê Quý Đôn đã "tuổi trẻ trôi qua xa rồi" nhưng họ vẫn hẹn nhau tái ngộ vào "mùa xuân sang năm". Với Nguyễn Xuân Huyên, vừa là đồng niên vừa là đồng liêu, Lê Quý Đôn có nhiều năm giao tình, từ công việc đến những thú tao nhã của họ đều thể hiện một tình bằng hữu rất đáng ngưỡng mộ. Với các đồng liêu khác, Lê Quý Đôn cũng có những thâm tình gìn giữ nhiều năm, đúng như Vu Trai đã tự nhận rằng họ "mãi mãi là những người không quên tình" (*Ngô nhân nhược nhược bất vong tình*) [1, tr.480].

4. Kết luận

Tình bằng hữu đồng niên và đồng liêu là một trong những nội dung đặc sắc của thơ Lê Quý Đôn, đặc biệt là tình đồng liêu, thể hiện qua những bài thơ xướng họa tiễn mừng tặng đáp, chủ yếu được hình thành khi ông cùng các bằng hữu tiễn nhau đi sứ và đi nhậm chức ở xa hoặc khi cùng nhau làm việc ở trường thi Hương. Tình bằng hữu ngay thẳng, thành thực, tín hiệu, thanh đậm, vững bền, hữu ích cho nhau và hữu ích với dân với nước, có sơ sở từ những quan niệm về kết giao bằng hữu trong văn hoá cổ điển Trung Hoa. Những bài thơ thể hiện tình bằng hữu ấy cũng thể hiện sự đa văn trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về văn học và địa lý Trung Hoa cùng kinh nghiệm đi sứ của Lê Quý Đôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. B. T. Tran, *Que Duong's poetry collection*. University of Education Publishing House, Hanoi, 2020.
- [2] N. A. Trinh, "The Writing of Le Quy Don," *Scientific Journal of Hanoi Metropolitan University*, vol. 71, no. 4, pp. 37-47, 2023.
- [3] M. T. Nguyen, "The meeting of Vietnamese envoy Le Quy Don and Korean counterparts Hong Khai Hy, Trieu Vinh Tien, and Ly Huy Trung in Beijing in 1760," *Sino-Nom Journal of Institute of Sino-Nom Studies*, vol. 92, no. 1, pp. 3-17, 2009.
- [4] T. C. Doan, *Four books*. Thuan Hoa Publishing House, Hue, 2017.
- [5] B. N. Nguyen, *Nguyen Binh Khiem - famous person in Vietnamese history*. Information Culture Publishing House, Hanoi, 2012, pp. 260-261.
- [6] T. N. Ho, "Friendship in the Tang Dynasty," *HNUE Journal of Science*, vol. 58, no. 10, pp. 61-66, 2013.
- [7] T. T. H. Han, "Farewell poetry branch of the XVIII – XIX centuries," *HNUE Journal of Science*, vol. 65, no. 2, pp. 34-42, 2020.
- [8] T. N. Nguyen, "Main streams of Le Quy Don's thought about ontology and epistemology," *Science & Technology Development Journal*, vol. 14, no. X1, pp. 75-76, 2011.
- [9] T. G. Nguyen, "Le Quy Don's thoughts on cultural characteristics of the nation," *Culture and Arts Magazine*, vol. 479, no. 11, pp. 96-100, 2021.